

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 37

2010 12-2010

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Lâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Cao Kỳ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Dương Như Hùng	Thành viên
Ông Trịnh Minh Quang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Phan Công Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Phạm Sỹ Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Cao Kỳ	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đăng Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Cao Kỳ
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2016, từ trang 03 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

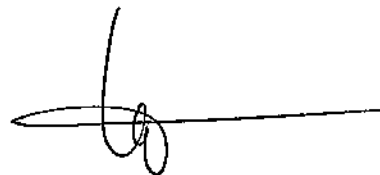
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Trần Tùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1941-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		636.480.020.785	716.156.027.439
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	190.415.984.943	161.024.535.145
1. Tiền	111		21.569.349.095	12.426.404.131
2. Các khoản tương đương tiền	112		168.846.635.848	148.598.131.014
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	315.231.906.910	413.821.255.556
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		315.231.906.910	413.821.255.556
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.595.304.792	58.769.895.541
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	24.068.908.583	34.118.462.023
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.647.326.239	20.914.017.041
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	16.141.634.577	9.517.411.085
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.263.125.671)	(5.780.651.449)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		561.064	656.841
IV. Hàng tồn kho	140	10	69.032.766.051	82.524.338.997
1. Hàng tồn kho	141		69.205.219.866	82.696.792.812
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(172.453.815)	(172.453.815)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.204.058.089	16.002.200
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		68.629.503	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	1.135.428.586	16.002.200
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		774.919.447.610	587.135.276.703
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		60.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	60.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		599.291.555.941	519.349.868.467
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	598.257.496.596	518.197.759.985
- Nguyên giá	222		1.848.413.164.327	1.662.929.683.058
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.250.155.667.731)	(1.144.731.923.073)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.034.059.345	1.152.108.482
- Nguyên giá	228		4.124.091.951	3.617.591.951
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.090.032.606)	(2.465.483.469)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		110.115.561.632	22.350.342.085
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	110.115.561.632	22.350.342.085
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	26.612.630.000	30.827.720.565
1. Đầu tư vào công ty con	251		9.987.630.000	9.787.630.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		4.650.000.000	4.650.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.975.000.000	28.725.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(12.334.909.435)
V. Tài sản dài hạn khác	260		38.839.700.037	14.607.345.586
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	38.839.700.037	14.607.345.586
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.411.399.468.395	1.303.291.304.142

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		828.837.697.105	754.077.870.979
I. Nợ ngắn hạn	310		580.742.926.196	524.886.357.852
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	152.744.262.406	243.979.147.975
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		26.068.546.325	25.454.108.188
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.091.558.113	2.088.706.156
4. Phải trả người lao động	314		85.329.265.343	68.684.871.433
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	86.114.978.829	21.319.352.466
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.288.048.095	13.134.488.988
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	13.359.385.861	9.996.093.187
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	199.908.251.962	128.545.396.793
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		90.000.000	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.748.629.262	11.684.192.666
II. Nợ dài hạn	330		248.094.770.909	229.191.513.127
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	248.094.770.909	229.191.513.127
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		582.561.771.290	549.213.433.163
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	582.561.771.290	549.213.433.163
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.512.960.000	415.512.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(470.673.364)	(470.673.364)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		38.300.568.177	27.343.428.181
4. Cổ phiếu quỹ	415		(11.173.978.888)	(11.173.978.888)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		58.834.762.224	53.834.762.224
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.558.133.141	64.166.935.010
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		42.792.497.536	32.239.495.076
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		38.765.635.605	31.927.439.934
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.411.399.468.395	1.303.291.304.142

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 3 năm 2016

Người lập

Phan Thị Vân Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Triều Linh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cao Kỳ

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	3.112.909.892.833	2.682.934.144.964
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		3.112.909.892.833	2.682.934.144.964
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	2.931.901.154.034	2.483.064.702.292
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		181.008.738.799	199.869.442.672
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	38.624.833.803	40.425.624.521
7. Chi phí tài chính	22	25	15.168.501.183	12.353.597.438
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.580.475.873	9.935.708.241
8. Chi phí bán hàng	25		82.284.213.112	83.021.947.389
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		46.651.327.773	41.263.778.749
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		75.529.530.534	103.655.743.617
11. Thu nhập khác	31	26	45.689.309.900	12.982.606.546
12. Chi phí khác	32	27	7.263.326.268	23.350.886.920
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		38.425.983.632	(10.368.280.374)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		113.955.514.166	93.287.463.243
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	24.743.781.639	24.226.204.512
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		89.211.732.527	69.061.258.731

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 3 năm 2016

Người lập



Phan Thị Vân Hà

Kế toán trưởng



Trần Thị Triều Linh



Tổng Giám đốc

Nguyễn Cao Kỳ

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	113.955.514.166	93.287.463.243
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	120.355.788.847	109.083.600.090
Các khoản dự phòng	03	(12.762.435.213)	(397.230.942)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	3.504.859.148	1.013.550.069
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(36.883.559.341)	(36.801.167.262)
Chi phí lãi vay	06	10.580.475.873	9.935.708.241
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	198.750.643.480	176.121.923.439
Thay đổi các khoản phải thu	09	49.515.817.819	3.400.791.967
Thay đổi hàng tồn kho	10	13.491.572.946	20.532.291.970
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.268.236.696)	18.596.494.962
Thay đổi chi phí trả trước	12	(24.300.983.954)	6.002.976.118
Tiền lãi vay đã trả	14	(10.405.889.820)	(10.218.588.279)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.077.451.146)	(21.934.278.367)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.085.170.000	219.309.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.913.002.204)	(10.353.337.836)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	183.877.640.425	182.367.582.974
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(305.433.967.635)	(139.245.065.991)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	44.675.500	5.349.044.590
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(394.875.000.000)	(368.840.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	470.163.901.389	203.525.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.200.000.000)	(3.000.000.000)
6. Lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	31.604.490.768	33.396.721.766
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(200.695.899.978)	(268.814.299.635)

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.542.806.169.662	1.019.309.090.201
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.452.540.056.711)	(936.104.744.985)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(44.056.403.600)	(56.071.786.400)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>46.209.709.351</i>	<i>27.132.558.816</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	29.391.449.798	(59.314.157.845)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	161.024.535.145	220.338.692.990
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	190.415.984.943	161.024.535.145

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phan Thị Vân Hà

Trần Thị Triều Linh



Nguyễn Cao Kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Điện lực Khánh Hòa - Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty Điện lực 3 thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN ngày 06 tháng 12 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Điện lực Khánh Hòa và chuyển Điện lực Khánh Hòa thuộc Công ty Điện lực 3 thành Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2005.

Theo Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Bộ Công thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa được chuyển về Tổng Công ty Điện lực Miền Trung kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2010.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi là 415.512.960.000 VND, trong đó: tỷ lệ cổ phần của Nhà nước chiếm 51,53%, tỷ lệ cổ phần do cán bộ, công nhân viên trong Công ty nắm giữ và cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp chiếm 48,47%.

Trụ sở chính của Công ty tại số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.175 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.171 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 số 4200601069 ngày 03 tháng 6 năm 2014, bao gồm các hoạt động sau:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng. Quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110KV;
- Xây dựng, lắp đặt, quản lý, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện, nhiệt điện nhỏ, các nhà máy điện diesel, máy phát điện diesel. Xây lắp các công trình điện, lưới điện và trạm điện có cấp điện áp đến 110KV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110KV và các công trình viễn thông;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện;
- Kinh doanh thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh thương mại, thiết bị và phần mềm máy vi tính;
- Đại lý bán hàng vật tư, thiết bị điện;
- Dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- Đại lý các dịch vụ viễn thông công cộng, kinh doanh các dịch vụ viễn thông công cộng và internet;
- Vận chuyển hàng hóa;
- Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến dưới 110KV cấp 2, nhà máy điện cấp 4. Thí nghiệm thiết bị điện đến cấp điện áp 110KV. Kiểm định công tơ điện;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí (trừ máy móc, thiết bị); và
- Đại lý bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 01 công ty con, 01 công ty liên doanh liên kết như sau:

Công ty con: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò.

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần	Số 12A Yersin, Phường	56,88	56,88	Sản xuất và kinh doanh điện năng;
Thủy điện Sông Chò	Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam			Quản lý, vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; Kinh doanh vật tư, thiết bị điện.

Công ty liên doanh liên kết: Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	Khánh Hòa	31	31	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất để có thông tin đầy đủ nhất về tình hình tài chính của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đối với hàng tồn kho sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và phương pháp thực tế đích danh đối với hàng tồn kho sử dụng cho hoạt động xây dựng cơ bản. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có). Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.

Đối với các công trình hoàn thành đầu tư, đưa vào sử dụng nhưng chưa được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao hoặc theo giá dự toán. Khi công trình được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	<u>2015</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 30
Dụng cụ quản lý, tài sản khác	3 - 25

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị phần mềm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính là 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các niên độ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ. Công cụ, dụng cụ có giá trị bằng hoặc thấp hơn 10 triệu VND được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 1 năm. Các công cụ, dụng cụ có giá trị từ 10 triệu VND trở lên được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời gian 24 tháng kể từ ngày xuất dùng.

Trong năm, Công ty áp dụng phương pháp phân bổ theo tỷ lệ 50% đối với công tơ điện tử xuất dùng năm 2015 và 50% số dư đầu kỳ năm 2015 của công tơ đã xuất dùng năm trước. Việc thay đổi phương pháp phân bổ dẫn tới chi phí được phân bổ trong năm thấp hơn và lợi nhuận trước thuế tăng lên khoảng 6,6 tỷ VND nếu áp dụng đồng nhất theo phương pháp phân bổ năm trước (phân bổ 2 năm, mỗi năm 50%). Ban Tổng Giám đốc đánh giá việc áp dụng phương thức phân bổ này nhằm phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng thực tế các công cụ dụng cụ trong năm.

Nguồn vốn - quỹ

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi là 415.512.960.000 VND.

Các quỹ khác bao gồm Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi... Việc trích lập các quỹ này do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp (xác định theo chỉ số trên công tơ điện) và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	454.710.674	526.446.810
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.114.638.421	11.899.957.321
Các khoản tương đương tiền (i)	168.846.635.848	148.598.131.014
	<u>190.415.984.943</u>	<u>161.024.535.145</u>

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời hạn dưới 3 tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn</i>	315.231.906.910	-	413.821.255.556	-
Tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại cổ phần (i)	315.231.906.910	-	413.821.255.556	-
<i>b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị</i>	26.612.630.000	-	43.162.630.000	(12.334.909.435)
- Đầu tư vào công ty con	9.987.630.000	-	9.787.630.000	-
+ Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chô	9.987.630.000	-	9.787.630.000	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;	4.650.000.000	-	4.650.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	4.650.000.000	-	4.650.000.000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	11.975.000.000	-	28.725.000.000	(12.334.909.435)
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin	-	-	18.750.000.000	(12.334.909.435)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	11.975.000.000	-	9.975.000.000	-

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn- ngắn hạn phản ánh giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại cổ phần với thời hạn còn lại từ 3 tháng đến 12 tháng.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	24.068.908.583	34.118.462.023
	24.068.908.583	34.118.462.023

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn	16.141.634.577	9.517.411.085
- Phải thu lãi tiền gửi	10.593.511.902	5.359.118.829
- Phải thu người lao động	399.400.000	635.488.172
- Ký cược, ký quỹ	40.000.000	28.874.000
- Phải thu khác	5.108.722.675	3.493.930.084
b) Dài hạn	60.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	60.000.000	
- Phải thu khác		
	16.201.634.577	9.517.411.085

9. NỢ XẤU

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi	6.035.523.570	(5.263.125.671)	7.654.979.339	(5.780.651.449)
Phải thu của khách hàng tiền điện	1.820.662.449	(1.679.549.508)	2.036.262.812	(1.804.279.504)
Phải thu của khách hàng khác	4.214.861.121	(3.583.576.163)	5.618.716.527	(3.976.371.945)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Trích lập 100%</i>	<i>4.082.882.360</i>	<i>(4.082.882.360)</i>	<i>4.270.527.237</i>	<i>(4.270.527.237)</i>
<i>Trích lập 30%-70%</i>	<i>1.952.641.210</i>	<i>(1.180.243.311)</i>	<i>3.384.452.102</i>	<i>(1.510.124.212)</i>

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.850.428.518	(172.453.815)	36.248.497.821	(172.453.815)
Công cụ, dụng cụ	3.321.180.788		3.507.840.930	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	33.033.610.560		42.940.454.061	
Cộng	69.205.219.866	(172.453.815)	82.696.792.812	(172.453.815)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	77.721.941.486	578.847.784.746	993.585.543.009	8.427.902.838	4.346.510.979	1.662.929.683.058
Mua sắm mới	-	27.825.172.274	69.749.414.490	1.345.650.000	-	98.920.236.764
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.995.607.776	36.397.629.253	68.997.769.962	2.381.519.155	-	110.772.526.146
Tăng khác	-	890.459.661	2.771.755.241	-	-	3.662.214.902
Thanh lý	-	(5.512.148.166)	(8.008.622.660)	-	-	(13.520.770.826)
Giảm khác	(1.924.098.728)	(12.426.626.989)	-	-	-	(14.350.725.717)
Tại ngày 31/12/2015	78.793.450.534	626.022.270.779	1.127.095.860.042	12.155.071.993	4.346.510.979	1.848.413.164.327
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	29.707.286.166	373.163.710.394	734.859.717.123	5.696.086.854	1.305.122.536	1.144.731.923.073
Trích khấu hao trong năm	4.717.881.764	51.006.140.802	62.160.798.565	1.434.804.026	411.614.553	119.731.239.710
Tăng khác	-	31.629.880	158.628.229	-	-	190.258.109
Thanh lý	-	(4.604.720.047)	(8.005.033.707)	-	-	(12.609.753.754)
Giảm khác	(1.729.371.178)	(158.628.229)	-	-	-	(1.887.999.407)
Tại ngày 31/12/2015	32.695.796.752	419.438.132.800	789.174.110.210	7.130.890.880	1.716.737.089	1.250.155.667.731
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	46.097.653.782	206.584.137.979	337.921.749.832	5.024.181.113	2.629.773.890	598.257.496.596
Tại ngày 31/12/2014	48.014.655.320	205.684.074.352	258.725.825.886	2.731.815.984	3.041.388.443	518.197.759.985

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, một số tài sản bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 21.850.893.720 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 41.373.774.742 VND) được sử dụng để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Trong năm, Công ty đã ghi tăng nguyên giá một số tài sản hết khấu hao tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 do các tài sản này được đầu tư thêm nhằm cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của những tài sản đó. Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 555.398.849.601 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 335.762.254.292 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Tại ngày 01/01	22.350.342.085	9.400.291.972
Tăng trong năm	257.626.937.147	159.467.289.692
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(110.772.526.146)	(115.167.740.303)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(37.749.808)
Chi phí hoàn thành trong năm	(59.089.191.454)	(31.311.749.468)
Tại ngày 31/12	110.115.561.632	22.350.342.085

Chi tiết theo công trình:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trung tâm điều hành Công ty	59.292.342.151	8.828.350.044
Các công trình xây dựng cơ bản	50.823.219.481	13.521.992.041
	110.115.561.632	22.350.342.085

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Tại ngày 01/01	14.607.345.586	20.610.321.704
Tăng trong năm	62.941.758.535	29.734.577.960
Phân bổ vào chi phí trong năm	(38.709.404.084)	(35.737.554.078)
Tại ngày 31/12	38.839.700.037	14.607.345.586

Chi tiết theo hạng mục:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi phí công tơ cháy hỏng thay thế định kỳ	33.506.443.074	12.031.549.952
Công tơ phát triển mới	3.817.330.421	1.444.880.112
Công cụ dụng cụ	1.321.710.453	938.862.527
Chi phí trả trước dài hạn khác	194.216.089	192.052.995
	38.839.700.037	14.607.345.586

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	87.128.505.560	87.128.505.560	171.318.061.314	171.318.061.314
Các nhà cung cấp khác	65.615.756.846	65.615.756.846	72.661.086.661	72.661.086.661
Cộng	152.744.262.406	152.744.262.406	243.979.147.975	243.979.147.975

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014		Trong năm		31/12/2015	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.061.362.643	26.838.012.405	27.426.833.378	-	472.541.670
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	198.240.921	24.743.781.639	26.077.451.146	1.135.428.586	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	829.102.592	4.812.706.112	5.022.792.261	-	619.016.443
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	282.810.091	282.810.091	-	-
Thuế môn bài	-	-	16.000.000	16.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	16.002.200	-	43.173.600	27.171.400	-	-
	16.002.200	2.088.706.156	56.736.483.847	58.853.058.276	1.135.428.586	1.091.558.113

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí dự án lưới điện phân phối Ninh Hòa DEP	66.182.199.939	-
Tiền thuê đất 28E Trần Phú (i)	17.699.776.353	17.699.776.353
Chi phí lãi vay	1.154.337.012	979.750.959
Khác	1.078.665.525	2.639.825.154
	86.114.978.829	21.319.352.466

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư tiền thuê đất 17.699.776.353 VND là chi phí thuê lô đất 28E Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa qua các năm đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty đã ghi nhận trích trước.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã thực hiện di dời và bàn giao lô đất lại cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	250.804.880	86.692.738
Bảo hiểm y tế	466.785	-
Tiền cược đặt điện kế (i)	8.118.450.903	7.113.644.590
Các khoản phải trả khác	4.989.663.293	2.795.755.859
	<u>13.359.385.861</u>	<u>9.996.093.187</u>

- (i) Tiền cược đặt điện kế là số tiền khách hàng ký cược ngắn hạn cho Công ty để được sử dụng dịch vụ trong một thời gian ngắn. Số tiền này sẽ hoàn trả lại cho khách hàng khi khách hàng không sử dụng dịch vụ hoặc thanh lý hợp đồng dịch vụ ký kết với của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2014		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn:	81.265.000.000	81.265.000.000	1.452.000.000.000	1.398.565.000.000	134.700.000.000	134.700.000.000
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa</i> (1)	-	-	512.000.000.000	439.300.000.000	72.700.000.000	72.700.000.000
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa</i> (2)	60.000.000.000	60.000.000.000	730.000.000.000	728.000.000.000	62.000.000.000	62.000.000.000
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa</i>	21.265.000.000	21.265.000.000	135.000.000.000	156.265.000.000	-	-
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển</i>	-	-	75.000.000.000	75.000.000.000	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 19)	47.280.396.793	47.280.396.793	59.461.806.368	41.533.951.199	65.208.251.962	65.208.251.962
	128.545.396.793	128.545.396.793	1.511.461.806.368	1.440.098.951.199	199.908.251.962	199.908.251.962

(1) Vay ngắn hạn phản ánh khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng số 617.15.800.1603479 ngày 20 tháng 8 năm 2015. Khoản vay chịu lãi suất 3,8%/năm và 4%/năm theo từng khế ước nhận nợ, và là khoản vay tín chấp, có thời hạn 02 tháng kể từ ngày giải ngân để bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

(2) Vay ngắn hạn phản ánh khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng số 145/2015HĐTDHM/NHCT580/KHDN ngày 24 tháng 7 năm 2015. Khoản vay chịu lãi suất 4%/năm và là khoản vay tín chấp, có thời hạn 02 tháng kể từ ngày giải ngân để bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

		31/12/2014		Trong năm		31/12/2015	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn							
<i>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>							
Trạm 110KV Bình Tân và nhánh rẽ	(1)	4.261.097.880	4.261.097.880	-	1.800.000.000	2.461.097.880	2.461.097.880
Trạm 110KV Nha Trang	(2)	1.108.095.254	1.108.095.254	-	1.108.095.254	-	-
Nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới	(3)	23.324.209.328	23.324.209.328	1.168.140.753	1.794.166.840	22.698.183.241	22.698.183.241
<i>Tổng Công ty Điện lực Miền Trung</i>							
Lưới điện Thành phố Nha Trang	(4)	3.056.740.645	3.056.740.645	-	3.056.740.645	-	-
Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối Thị trấn Diên Khánh	(5)	11.586.506.772	11.586.506.772	471.481.807	2.896.628.344	9.161.360.235	9.161.360.235
Trạm biến áp 110KV Ninh Thủy và nhánh rẽ	(6)	34.381.212.737	34.381.212.737	1.865.236.617	-	36.246.449.354	36.246.449.354
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam</i>							
Phủ điện khu vực vùng lõm, vùng trắng	(7)	4.168.410.712	4.168.410.712	-	2.184.048.534	1.984.362.178	1.984.362.178
<i>Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa</i>							
Phủ điện khu vực vùng lõm, vùng trắng	(8)	2.080.000.000	2.080.000.000	-	1.380.000.000	700.000.000	700.000.000
Cải tạo LĐ15kV E Vạn Giã cấp điện Khu Kinh tế Vân Phong	(9)	3.154.700.000	3.154.700.000	-	1.464.000.000	1.690.700.000	1.690.700.000
Cải tạo lưới 15KV sau F2B & F2C lên 22KV đầu nối TBA 110KV Ninh Thủy	(10)	988.082.000	988.082.000	-	510.000.000	478.082.000	478.082.000
Xây dựng mới XT 374-E27	(11)	2.540.986.000	2.540.986.000	-	912.000.000	1.628.986.000	1.628.986.000
Nâng cao năng lực điện khu vực Khánh Vĩnh	(12)	2.963.657.000	2.963.657.000	-	1.128.000.000	1.835.657.000	1.835.657.000
Chống quá tải các TBA110KV E24, E27, E28 Khánh Hòa	(13)	14.647.500.000	14.647.500.000	-	6.936.500.000	7.711.000.000	7.711.000.000
Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện các Trạm biến áp Khánh Hòa	(14)	4.000.000.000	4.000.000.000	-	460.000.000	3.540.000.000	3.540.000.000
Xây dựng mới 2 ngăn xuất tuyến 110KV E Diên Khánh	(15)	-	-	4.471.000.000	1.120.000.000	3.351.000.000	3.351.000.000
Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện 2014	(16)	-	-	3.680.000.000	-	3.680.000.000	3.680.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

		31/12/2014		Trong năm		31/12/2015	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn (Tiếp theo)							
<i>Ngân hàng An Bình</i>							
TBA 110KV Bán đảo Cam Ranh và nhánh rẽ	(17)	19.500.000.000	19.500.000.000	-	6.000.000.000	13.500.000.000	13.500.000.000
Nhà điều hành Điện lực Diên Khánh-Khánh Vĩnh	(18)	7.000.000.000	7.000.000.000	-	780.000.000	6.220.000.000	6.220.000.000
<i>Ngân hàng Công thương</i>							
Nhà điều hành Điện lực Cam Lâm	(19)	5.457.730.038	5.457.730.038	-	640.000.000	4.817.730.038	4.817.730.038
Nhà điều hành Điện lực Ninh Hòa	(20)	1.200.000.000	1.200.000.000	1.628.000.000	76.500.000	2.751.500.000	2.751.500.000
Nhà điều hành ĐL Cam Ranh - Khánh Sơn	(21)	1.196.000.000	1.196.000.000	1.412.000.000	70.000.000	2.538.000.000	2.538.000.000
Trung tâm điều hành Điện lực và kinh doanh	(22)	11.000.000.000	11.000.000.000	28.163.000.000	-	39.163.000.000	39.163.000.000
<i>Ngân hàng Quân đội</i>							
Vay mua công tơ điện	(23)	-	-	27.654.880.000	-	27.654.880.000	27.654.880.000
		157.614.928.366	157.614.928.366	70.513.739.177	34.316.679.617	193.811.987.926	193.811.987.926

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

	31/12/2014		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ dài hạn	118.856.981.554	118.856.981.554	20.292.430.485	19.658.377.094	119.491.034.945	119.491.034.945
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	14.876.401.124	14.876.401.124	-	29	14.876.401.095	14.876.401.095
Công ty TNHH Long Phú	1.881.366.670	1.881.366.670	-	376.273.329	1.505.093.341	1.505.093.341
Công ty Cổ phần An Viên	(24) 15.643.502.000	15.643.502.000	-	15.643.502.000	-	-
Sở Tài chính Khánh Hòa:						
Công ty Địa chính Khánh Hòa	(25) 15.835.192.682	15.835.192.682	-	-	15.835.192.682	15.835.192.682
Ban Quản lý Dự án các công trình trọng điểm Khánh Hòa	(26) 9.261.677.616	9.261.677.616	-	1.169.896.116	8.091.781.500	8.091.781.500
Ban quản lý Dự án các công trình Xây dựng Nha Trang	(27) 6.454.015.708	6.454.015.708	-	823.916.904	5.630.098.804	5.630.098.804
Trung tâm Phát triển quỹ đất Khánh Hòa	(28) 4.900.304.558	4.900.304.558	-	528.736.800	4.371.567.758	4.371.567.758
Ủy ban Nhân dân huyện Diên Khánh	(29) 2.655.132.864	2.655.132.864	-	288.239.848	2.366.893.016	2.366.893.016
Ban quản lý các công trình xây dựng Cam Ranh	(30) 12.217.381.000	12.217.381.000	-	814.492.068	11.402.888.932	11.402.888.932
Các công trình thuộc vốn ngân sách nhận bàn giao từ các đơn vị trong tỉnh	(31) 25.078.281.108	25.078.281.108	20.292.430.485	-	45.370.711.593	45.370.711.593
Các đối tượng khác	(32) 10.053.726.224	10.053.726.224	-	13.320.000	10.040.406.224	10.040.406.224
	276.471.909.920	276.471.909.920	90.806.169.662	53.975.056.711	313.303.022.871	313.303.022.871
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	47.280.396.793				65.208.251.962	
(Được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)						
Trong đó: <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	33.118.291.351				51.328.744.521	
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	14.162.105.442				13.879.507.441	
Số phải trả sau 12 tháng	229.191.513.127				248.094.770.909	

(1) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam với nguồn vốn vay từ Ngân hàng Công thương Việt Nam để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 12.927.243.309 VND và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 9 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả theo kỳ bán niên và chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 3,2%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.

(2) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam với nguồn vốn vay từ Ngân hàng Thế giới để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 737.828,59 USD và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 7,5 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả theo kỳ bán niên và chịu lãi suất 6,9%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Công ty đã tắt toán khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (3) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam với nguồn vốn vay của Ngân hàng Thế giới để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 1.510.525,89 USD và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 19 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả trong 36 kỳ bán niên bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2010 và chịu lãi suất 1%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (4) Hợp đồng cho vay lại vốn vay nước ngoài ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (trước đây là Công ty Điện lực 3) cho dự án "Lưới điện Thành phố Nha Trang", lãi suất vay là 6,9%/năm. Công ty đã tất toán khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.
- (5) Hợp đồng cho vay lại vốn vay nước ngoài ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (trước đây là Công ty Điện lực 3) cho dự án "Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối Thị trấn Diên Khánh", với lãi suất 6,82%/năm.
- (6) Hợp đồng cho vay lại từ Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, nguồn vốn vay từ Ngân hàng Thế giới (Hiệp định số 7867-VN) thuộc chương trình "Hỗ trợ phát triển chính sách cải cách ngành điện giai đoạn 1-DPL1". Khoản vay này được sử dụng để đầu tư Công trình Trạm biến áp 110KV Ninh Thủy và nhánh rẽ theo danh mục dự án sử dụng vốn của Khoản chương trình đã được Bộ Công thương phê duyệt. Khoản vay trị giá 1.608.094,47 USD và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 25 năm kể từ năm 2010, bao gồm 10 năm ân hạn. Khoản vay được hoàn trả theo kỳ bán niên bắt đầu từ ngày 05 tháng 02 năm 2021, khoản vay chịu lãi suất LIBOR của đồng USD cộng khoản chênh lệch biến đổi. Khoản chênh lệch biến đổi sẽ được xem xét định kỳ điều chỉnh vào ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- (7) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Phủ điện khu vực vùng lõm, vùng trắng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa". Khoản vay này có hạn mức 18.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2010. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng và chịu lãi suất 9,6%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (8) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Phủ điện khu vực vùng lõm, vùng trắng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa". Khoản vay này có hạn mức 7.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2010. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 01 năm 2012 và chịu lãi suất 9,6%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (9) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Cải tạo lưới điện 15KV E Vạn Giã cấp điện Khu kinh tế Vân Phong". Khoản vay này có hạn mức 8.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 07 tháng 2 năm 2013. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 8 năm 2013 và chịu lãi suất 12%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 8,29%/năm.
- (10) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Cải tạo lưới 15KV sau F2B & F2C lên 22KV đấu nối Trạm biến áp 110KV Ninh Thủy". Khoản vay này có hạn mức 2.800.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 07 tháng 2 năm 2013. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 8 năm 2013 và chịu lãi suất 12%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 8,29%/năm.
- (11) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Xây dựng mới xuất tuyến 374-E27". Khoản vay này có hạn mức 5.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 07 tháng 2 năm 2013. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 8 năm 2013 và chịu lãi suất 12%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 8,29%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (12) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nâng cao năng lực điện khu vực Khánh Vĩnh". Khoản vay này có hạn mức 6.200.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 07 tháng 2 năm 2013. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 8 năm 2013 và chịu lãi suất 12%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 8,29%/năm.
- (13) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Chống quá tải các Trạm biến áp 110KV E24, E27, E28 Khánh Hòa". Khoản vay này có hạn mức 18.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 44 tháng kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2014. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 40 tháng từ tháng 12 năm 2014 và chịu lãi suất 9,04%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 8,29%/năm.
- (14) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện các Trạm biến áp phân phối tỉnh Khánh Hòa năm 2014". Khoản vay này có hạn mức 8.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 36 tháng kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2014. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 33 tháng từ tháng 4 năm 2014 và chịu lãi suất 8,29%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (15) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Xây dựng mới 2 ngăn xuất tuyến 110KV E Diên Khánh". Khoản vay này có hạn mức 12.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 39 tháng kể từ ngày 03 tháng 6 năm 2015. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 36 tháng từ tháng 9 năm 2015 và chịu lãi suất 8,29%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (16) Hợp đồng cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện năm 2014". Khoản vay này có hạn mức 15.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và các tài sản khác với thời hạn 42 tháng kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2015. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 38 tháng từ tháng 5 năm 2016 và chịu lãi suất 8,29%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (17) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Trạm biến áp 110KV bán đảo Cam Ranh và nhánh rẽ". Khoản vay này có hạn mức 30.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 60 tháng kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2013. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 4 năm 2013 và chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 3%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 22 tháng 02 năm 2015 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 8,8%/năm.
- (18) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nhà điều hành Điện lực Diên Khánh - Khánh Vĩnh". Khoản vay này có hạn mức 7.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi số 143.13/HĐTĐ-ABBKH với thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2013. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 01 năm 2015. Lãi suất năm đầu tiên là 10%/năm. Lãi suất các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 09 tháng 3 năm 2015 lãi suất được điều chỉnh xuống còn 8,7%/năm.
- (19) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nhà điều hành Điện lực Cam Lâm". Khoản vay này có hạn mức 6.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 120 tháng kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2013. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 7 năm 2014. Lãi suất năm đầu tiên là 10%/năm. Lãi suất các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 20 tháng 3 năm 2015, lãi suất còn 8,8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (20) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nhà điều hành Điện lực Ninh Hòa". Khoản vay này có hạn mức 3.500.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 120 tháng kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2014. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 11 năm 2015. Lãi suất năm đầu tiên là 8,5%/năm. Lãi suất các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 30 tháng 3 năm 2015, lãi suất còn 8,8%/năm.
- (21) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Nhà điều hành Điện lực Cam Ranh - Khánh Sơn". Khoản vay này có hạn mức 3.500.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 120 tháng kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2014. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 11 năm 2015. Lãi suất năm đầu tiên là 8,5%/năm. Lãi suất các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 04 tháng 5 năm 2015, lãi suất còn 8,8%/năm.
- (22) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án "Trung tâm điều hành Điện lực và kinh doanh". Khoản vay này có hạn mức 125.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 240 tháng kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 6 năm 2016. Lãi suất 6 tháng đầu tiên là 8,5%/năm. Lãi suất các thời hạn tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế. Từ ngày 04 tháng 5 năm 2015, lãi suất còn 8,8%/năm.
- (23) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa để tài trợ mua sắm công tơ điện phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2015. Khoản vay này có hạn mức 30.370.000.000 VND và được đảm bảo bằng sổ công tơ điện hình thành từ nguồn vốn vay và vốn tự có với thời hạn 36 tháng kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2015. Khoản vay được trả định kỳ 3 tháng/lần từ tháng 1 năm 2016. Lãi suất 12 tháng đầu tiên là 6,5%/năm. Lãi suất các thời hạn tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (24) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống điện ngầm trung, hạ áp và các trạm biến áp khu đô thị biển An Viên nhận bàn giao từ Công ty Cổ phần An Viên theo Biên bản bàn giao công trình ngày 01 tháng 10 năm 2011. Theo biên bản thỏa thuận ngày 23/01/2015, Công ty phải hoàn trả 5.436.482.000 VND cho Công ty Cổ phần An Viên. Công ty đã chuyển 10.207.020.000 VND sang tài sản biểu tặng, tăng vốn sau khi trừ 22% thuế thu nhập doanh nghiệp. Ngày 13 tháng 02 năm 2015 Công ty đã thanh toán 50% giá trị phải hoàn trả, số còn lại sẽ trả trước tháng 12/2015 theo biên bản thỏa thuận.
- (25) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Lưới điện Khu đô thị mới Vĩnh Hòa nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khánh Hòa (trước đây là Công ty Địa chính Khánh Hòa). Khoản nhận nợ này sẽ được trả đều trong 20 năm kể từ ngày có ít nhất được 20% phụ tải và không chịu lãi suất.
- (26) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống cung cấp nguồn điện phân còn lại của đường Nguyễn Tất Thành nhận từ Ban Quản lý Dự án các Công trình trọng điểm Khánh Hòa. Khoản nhận nợ này được trả trong 10 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 và không chịu lãi suất.
- (27) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống điện trung hạ áp và trạm biến áp Cấp điện sinh hoạt khu dân cư Đất Lành thuộc dự án khu dân cư Đất Lành nhận từ Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng Nha Trang. Khoản nhận nợ này được trả trong 10 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2011 và không chịu lãi suất.
- (28) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hạng mục Xây lắp cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng thuộc Công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Hòn Đò và Khu tái định cư Vĩnh Trường nhận bàn giao từ Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Khánh Hòa. Khoản nhận nợ này không chịu lãi suất và được trả trong 10 năm kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2012 đối với khu Tái định cư Hòn Đò và 12 tháng 8 năm 2013 đối với khu Tái định cư Vĩnh Trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (29) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Hệ thống điện trung áp 22KV vùng nguyên liệu mía Diên Khánh nhận bàn giao từ Ủy ban Nhân dân huyện Diên Khánh. Khoản nhận nợ này được trả trong 10 năm kể từ ngày 03 tháng 01 năm 2012 và không chịu lãi suất.
- (30) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Lưới điện phủ điện thôn Bình Hưng xã Cam Bình, Cam Ranh nhận bàn giao từ Ban Quản lý các công trình xây dựng Cam Ranh. Khoản nhận nợ này được trả trong 10 năm kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2013 và không chịu lãi suất.
- (31) Khoản nợ dài hạn tương ứng với các tài sản thuộc lưới trung, hạ áp nhận bàn giao từ các cơ quan Nhà nước và các đơn vị khác trong địa bàn tỉnh Khánh Hòa, khoản nợ này không chịu lãi và được trả dần trong vòng 10 năm kể từ ngày bàn giao.
- (32) Khoản nợ dài hạn tương ứng với các tài sản thuộc lưới trung, hạ áp nhận bàn giao từ các đơn vị khác trong địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Các khoản nhận nợ này không chịu lãi suất và chưa xác định lịch trả nợ chi tiết tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	65.208.251.962	47.280.396.793
Trong năm thứ hai	42.195.980.108	42.029.186.765
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	63.370.506.024	82.646.648.204
Sau năm năm	142.528.284.777	104.515.678.158
	<u>313.303.022.871</u>	<u>276.471.909.920</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	65.208.251.962	47.280.396.793
Số phải trả sau 12 tháng	<u>248.094.770.909</u>	<u>229.191.513.127</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2014	415.512.960.000	(470.673.364)	24.070.260.409	(11.173.978.888)	29.630.317.295	20.915.040.381	67.973.606.334	546.457.532.167
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	69.061.258.731	69.061.258.731
Tăng vốn khác	-	-	3.273.167.772	-	-	-	(3.273.167.772)	-
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	3.289.404.548	(3.289.404.548)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(10.233.543.335)	(10.233.543.335)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(56.071.814.400)	(56.071.814.400)
Tại ngày 31/12/2014	415.512.960.000	(470.673.364)	27.343.428.181	(11.173.978.888)	29.630.317.295	24.204.444.929	64.166.935.010	549.213.433.163
Phân loại lại theo Thông tư 200					24.204.444.929	(24.204.444.929)		
Tại ngày 01/01/2015	415.512.960.000	(470.673.364)	27.343.428.181	(11.173.978.888)	53.834.762.224	-	64.166.935.010	549.213.433.163
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	89.211.732.527	89.211.732.527
Tăng vốn khác (3)	-	-	10.957.139.996	-	-	-	(10.957.139.996)	-
Trích quỹ từ lợi nhuận (2)	-	-	-	-	5.000.000.000	-	(5.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	-	-	-	(11.806.968.800)	(11.806.968.800)
Chia cổ tức (1)	-	-	-	-	-	-	(44.056.425.600)	(44.056.425.600)
Tại ngày 31/12/2015	415.512.960.000	(470.673.364)	38.300.568.177	(11.173.978.888)	58.834.762.224	-	81.558.133.141	582.561.771.290

- (1) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 ngày 24 tháng 4 năm 2015 đã thông qua mức chia cổ tức năm 2014 là 11% trên vốn điều lệ và thông qua việc chia cổ tức đợt 2 năm 2014 bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ là 6% (Đợt 1 đã được trả vào năm 2014) với số tiền tương ứng 24.030.777.600 VND, chia cổ tức đợt 1 năm 2015 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% với số tiền tương ứng là 20.025.648.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

- (2) Công ty tạm trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Điều lệ Công ty và sẽ trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt chính thức trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông tới.
- (3) Tăng vốn khác trong năm là thể hiện giá trị tài sản cố định hữu hình và khoản hỗ trợ lãi vay Công ty nhận bàn giao, biểu tặng từ các cơ quan, đơn vị ngoài.

CỔ PHIẾU

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.551.296	41.551.296
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.051.296	40.051.296
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.500.000	1.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/1 cổ phiếu.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán điện	2.987.619.761.897	2.520.605.743.874
Doanh thu hoạt động cho thuê cột điện	13.902.304.294	8.153.813.624
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm khác	90.681.975.736	143.571.874.743
<i>Xây lắp điện</i>	61.247.480.624	115.640.297.155
<i>Khảo sát, thiết kế công trình điện</i>	2.081.462.081	2.280.245.597
<i>Mắc dây, đặt điện</i>	13.472.382.297	13.742.845.450
<i>Sửa chữa, thí nghiệm điện</i>	13.880.650.734	11.908.486.541
Dịch vụ	7.469.057.731	4.156.606.507
Nhượng bán vật tư, hàng hóa	13.236.793.175	6.446.106.216
	<u>3.112.909.892.833</u>	<u>2.682.934.144.964</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn bán điện (i)	2.844.668.277.944	2.347.854.187.615
Giá vốn hoạt động cho thuê cột điện	8.833.042.899	4.086.576.566
Giá vốn tiêu thụ sản phẩm khác	72.039.887.592	124.064.611.421
<i>Xây lắp điện</i>	50.459.012.144	103.605.271.078
<i>Khảo sát, thiết kế công trình điện</i>	1.012.654.100	1.203.222.791
<i>Mắc dây, đặt điện</i>	11.696.754.353	11.663.213.087
<i>Sửa chữa, thí nghiệm điện</i>	8.871.466.995	7.592.904.465
Dịch vụ	1.955.008.011	813.217.805
Nhượng bán vật tư, hàng hóa	4.404.937.588	6.246.108.885
	<u>2.931.901.154.034</u>	<u>2.483.064.702.292</u>

- (i) Giá vốn bán điện chủ yếu là tiền mua điện thương phẩm theo đơn giá quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.513.730.252	116.697.326.208
Chi phí nhân công	230.614.086.078	212.725.960.442
Chi phí khấu hao tài sản cố định	120.248.034.753	109.018.762.279
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.514.068.627.765	2.046.249.183.747
Chi phí khác	97.256.845.870	107.247.052.710
	3.064.701.324.718	2.591.938.285.386

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	35.642.633.841	34.905.039.578
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.196.250.000	2.344.683.551
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.785.949.962	3.175.901.392
	38.624.833.803	40.425.624.521

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	10.580.475.873	9.935.708.241
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.578.878.855	1.062.119.353
Chi phí tài chính khác	1.009.146.455	1.355.769.844
	15.168.501.183	12.353.597.438

26. THU NHẬP KHÁC

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Thanh lý nhượng bán vật tư, tài sản cố định	44.675.500	4.880.226.486
Thu nhập từ tài sản biếu tặng (i)	13.193.090.780	3.693.193.338
Thu nhập khác (ii)	32.451.543.620	4.409.186.722
	45.689.309.900	12.982.606.546

(i) Thu nhập từ tài sản biếu tặng là thể hiện giá trị tài sản cố định hữu hình và khoản hỗ trợ lãi vay Công ty nhận bàn giao, biếu tặng từ các cơ quan, đơn vị ngoài.

(ii) Thu nhập khác bao gồm 9,7 tỷ VND là khoản kinh phí bồi thường tài sản trên đất thu hồi tại 28E Trần Phú mà Công ty nhận được trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***27. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định, vật tư	-	2.984.098.802
Chi phí di dời công trình điện phục vụ xây QL1A	-	19.353.814.054
Chi phí khác	7.263.326.268	1.012.974.064
	7.263.326.268	23.350.886.920

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	113.955.514.166	93.287.463.243
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.196.250.000)	(2.344.683.551)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khác	-	-
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	(287.529.446)	18.557.634.433
Thu nhập chịu thuế	112.471.734.720	109.500.414.125
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập chịu thuế suất 22%</i>	112.471.734.720	104.963.300.657
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25%</i>	-	4.537.113.468
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.743.781.639	24.226.204.512

29. CÁC KHOẢN CAM KẾT ĐẦU TƯ

- Theo Nghị quyết số 34/NQ-ĐLKH-HĐQT ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Hội đồng Quản trị về việc nhận chuyển nhượng quyền góp vốn của cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 với số cổ phần là 475.000 cổ phần, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò là 56,875% vốn điều lệ (tương đương 22.750.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số vốn Công ty đã góp là 9.987.630.000 VND. Theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty số 04/NQ-ĐLKH ngày 15 tháng 01 năm 2016 về việc tái cấu trúc hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò: thống nhất tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ VND để đảm bảo điều kiện phát triển dự án thủy điện của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò; trong đó Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa (hiện đã thực góp 9,98 tỷ đồng, chiếm 16,6% vốn điều lệ 60 tỷ VND) sẽ căn cứ tình hình thực tế để giữ nguyên phần vốn góp hoặc góp thêm để cùng các cổ đông khác (nếu có) nắm giữ tối đa 25% cổ phần.
- Ngày 31 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị đã họp và ra Nghị quyết số 120/NQ-ĐLKH-HĐQT về việc đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 với số tiền 12 tỷ VND, tương ứng 2% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số vốn Công ty đã góp là 11.975.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	448.003.022.871	357.736.909.920
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	190.415.984.943	161.024.535.145
Nợ thuần	257.587.037.928	196.712.374.775
Vốn chủ sở hữu	<u>582.561.771.290</u>	<u>549.213.433.163</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,44</u>	<u>0,36</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	190.415.984.943	161.024.535.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.608.017.489	37.219.733.487
Đầu tư ngắn hạn	315.231.906.910	413.821.255.556
Đầu tư dài hạn	11.975.000.000	16.390.090.565
Tổng cộng	<u>552.230.909.342</u>	<u>628.455.614.753</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	448.003.022.871	357.736.909.920
Phải trả người bán và phải trả khác	165.852.376.602	253.888.548.424
Chi phí phải trả	86.114.978.829	21.319.352.466
Tổng cộng	<u>699.970.378.302</u>	<u>632.944.810.810</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính riêng Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính riêng Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	68.105.992.830	73.456.764.736	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	2.043.179.785	2.203.702.942

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ thay đổi như sau:

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
VND	+ 200	(8.960.060.457)
VND	- 200	8.960.060.457
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+ 200	(7.154.738.198)
VND	- 200	7.154.738.198

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒASố 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, CHXHCN Việt NamBảo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Trên 1 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	190.415.984.943	-	190.415.984.943
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.548.017.489	60.000.000	34.608.017.489
Đầu tư ngắn hạn	315.231.906.910	-	315.231.906.910
Đầu tư dài hạn	-	11.975.000.000	11.975.000.000
Tổng	540.195.909.342	12.035.000.000	552.230.909.342
31/12/2015			
Các khoản vay	199.908.251.962	248.094.770.909	448.003.022.871
Phải trả người bán và phải trả khác	165.852.376.602	-	165.852.376.602
Chi phí phải trả	86.114.978.829	-	86.114.978.829
Tổng	451.875.607.393	248.094.770.909	699.970.378.302
Chênh lệch thanh khoản thuần	88.320.301.949	(236.059.770.909)	(147.739.468.960)
	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Trên 1 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	161.024.535.145	-	161.024.535.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.219.733.487	-	37.219.733.487
Đầu tư ngắn hạn	413.821.255.556	-	413.821.255.556
Đầu tư dài hạn	-	16.390.090.565	16.390.090.565
Tổng	612.065.524.188	16.390.090.565	628.455.614.753
31/12/2014			
Các khoản vay	128.545.396.793	229.191.513.127	357.736.909.920
Phải trả người bán và phải trả khác	253.888.548.424	-	253.888.548.424
Chi phí phải trả	21.319.352.466	-	21.319.352.466
Tổng	403.753.297.683	229.191.513.127	632.944.810.810
Chênh lệch thanh khoản thuần	208.312.226.505	(212.801.422.562)	(4.489.196.057)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số chỉ tiêu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã được phân loại/trình bày lại cho phù hợp với quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Cụ thể:

Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Đơn vị: VND
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Thay đổi
I. Tài sản			I. Tài sản			
1. Đầu tư ngắn hạn	121	377.657.255.556	1. Chứng khoán kinh doanh	121		- Phân loại lại và đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			- 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	413.821.255.556	Phân loại lại và đổi tên
2. Các khoản phải thu khác	135	8.853.048.913	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.517.411.085	Phân loại lại và đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			- 5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	656.841	Phân loại lại
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	665.019.013	4. Tài sản ngắn hạn khác	155		- Phân loại lại
9. Đầu tư dài hạn khác	258	64.889.000.000	9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	28.725.000.000	Phân loại lại và đổi tên
II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn			
1. Phải trả người bán	312	243.979.147.975	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	243.979.147.975	Đổi tên
2. Chi phí phải trả	316	21.319.352.466	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21.319.352.466	Đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			- 3. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	13.134.488.988	Phân loại lại và đổi tên
5. Doanh thu chưa thực hiện	338	13.134.488.988	5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		- Phân loại lại
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	29.630.317.295	7. Quỹ đầu tư phát triển	418	53.834.762.224	Phân loại lại
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	24.204.444.929	<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			- Phân loại lại
9. Vốn điều lệ	411	415.512.960.000	8. Vốn góp của chủ sở hữu	411	415.512.960.000	Đổi tên

Người lập




Phan Thị Vân Hà

Kế toán trưởng



Trần Thị Triều Linh

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 3 năm 2016



Tổng Giám đốc
Nguyễn Cao Kỳ